

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kiểm toán	6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 12.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **1.924.844.130.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh cho ngành giao thông vận tải, công nghiệp, điện, xây dựng và du lịch. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Mua bán ô tô, xe máy và các loại phương tiện chuyên dùng khác. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện tử, dệt may, cơ khí. Dịch vụ sửa chữa, bảo hành xe ô tô, xe máy. In ấn bao bì. Sản xuất kinh doanh thiết bị điện công nghiệp, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng). Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thang máy. Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và lắp đặt thang máy. Sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả. Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và vật liệu viễn thông. Kinh doanh vật tư nông nghiệp, lâm sản (gỗ có nguồn gốc hợp pháp). Buôn bán vật tư, phân bón, quặng kim loại, phôi thép, sắt thép, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất. Chế biến lương thực, phân bón, quặng kim loại, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM CỦA CÔNG TY

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012

Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012

Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Kim Yên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2013

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Nguyễn Tuấn Hải

Số: 122/2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam được lập ngày 26 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo này về việc: Trong năm, Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam (Công ty sau sáp nhập được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam), giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình hợp nhất kinh doanh là 1.582.163.129.696 đồng (xem thuyết minh số V.15). Khoản lợi thế thương mại này sẽ được phân bổ dần vào chi phí trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo qui định hiện hành của chuẩn mực kế toán Việt Nam với thời gian phân bổ 10 năm.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.431.880.954.644	774.996.288.093
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	36.628.586.637	49.967.120.314
1.	Tiền	111		22.562.846.637	28.967.120.314
2.	Các khoản tương đương tiền	112		14.065.740.000	21.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	72.497.047.878	5.289.850.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		72.499.815.478	6.472.694.286
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.767.600)	(1.182.844.286)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		569.030.227.866	499.327.897.804
1.	Phải thu khách hàng	131		534.547.057.579	287.860.261.423
2.	Trả trước cho người bán	132		78.474.059.733	120.480.602.165
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	44.615.515.361	105.952.339.969
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(88.606.404.807)	(14.965.305.753)
IV.	Hàng tồn kho	140		699.559.220.798	215.294.551.270
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	699.559.220.798	223.192.310.908
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(7.897.759.638)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		54.165.871.465	5.116.868.705
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		387.858.255	745.538.095
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.716.643.373	298.033.024
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	3.844.573.333	301.247.458
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		36.216.796.504	3.772.050.128

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.051.657.369.786	772.401.386.480
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		306.021.738.372	45.494.458.089
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	117.779.519.274	35.494.758.005
	- Nguyên giá	222		241.524.985.736	66.367.419.937
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(123.745.466.462)	(30.872.661.932)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	3.721.629.583	3.540.493.734
	- Nguyên giá	225		4.798.554.322	4.280.734.238
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.076.924.739)	(740.240.504)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	150.026.412.785	5.373.208.601
	- Nguyên giá	228		150.750.729.985	7.244.923.697
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(724.317.200)	(1.871.715.096)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	34.494.176.730	1.085.997.749
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	9.204.704.414	2.607.500.000
1.	Nguyên giá	241		10.077.389.298	2.607.500.000
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(872.684.884)	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		183.094.990.097	674.932.501.031
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	114.294.745.561	627.199.609.424
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	77.000.244.536	55.632.891.607
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.13	(8.200.000.000)	(7.900.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		21.242.417.346	2.303.456.287
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	20.641.163.986	1.783.238.327
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		601.253.360	520.217.960
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.15	1.532.093.519.557	47.063.471.073
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.483.538.324.430	1.547.397.674.573

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.325.895.619.273	592.219.660.683
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.251.398.012.629	535.745.191.508
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	542.452.991.054	309.356.807.571
2.	Phải trả người bán	312		212.755.360.040	83.353.443.355
3.	Người mua trả tiền trước	313		298.624.599.235	101.773.774.981
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	37.423.641.089	21.975.842.217
5.	Phải trả người lao động	315		10.288.071.091	4.716.100.986
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	19.435.147.392	2.905.487.905
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	116.250.132.562	5.687.614.824
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		11.423.889.412	2.437.752.776
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.744.180.754	3.538.366.893
II.	Nợ dài hạn	330		74.497.606.644	56.474.469.175
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		6.821.751.865	5.332.781.632
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	35.727.046.111	7.086.359.874
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	18.026.488.786	20.713.989.154
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	228.541.248
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		13.922.319.882	23.112.797.267
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.974.163.296.630	842.252.865.890
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.974.163.296.630	842.252.865.890
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	645.844.130.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.567.681.573
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.649.596.131	4.649.596.131
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		435.087.979	435.087.979
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.914.670.142	5.914.670.142
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(35.836.007.622)	107.685.880.065
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ	439		183.479.408.527	112.925.148.000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.483.538.324.430	1.547.397.674.573

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.308.915.648
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		2.753,72	9.697,76
	EUR		8,18	218,04
	JPY		2.377.177,00	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7.	Mệnh giá cổ phiếu ủy thác		-	-

Kế toán trưởng**Bùi Kim Yến**

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc**Bùi Hoàng Tuấn**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	978.581.082.915	1.055.849.842.847
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	10.677.001.478	42.366.437.760
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	967.904.081.437	1.013.483.405.087
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	858.127.326.843	893.660.769.228
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.776.754.594	119.822.635.859
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	8.375.738.106	24.039.005.554
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	78.200.459.253	144.493.456.924
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.445.434.404	56.333.502.146
8.	Chi phí bán hàng	24		20.855.519.724	56.976.229.322
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		146.848.675.489	62.229.894.595
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(127.752.161.765)	(119.837.939.428)
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	31.786.378.187	196.345.492.927
12.	Chi phí khác	32		16.490.523.586	5.004.525.514
13.	Lợi nhuận khác	40		15.295.854.601	191.340.967.413
14.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(36.301.198.944)	(32.445.289.260)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(148.757.506.109)	39.057.738.725
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.853.971.879	4.429.211.947
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	(2.687.500.368)	19.266.941.142
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(148.923.977.619)	15.361.585.636
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(4.062.024.834)	(2.348.297.048)
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(144.861.952.785)	17.709.882.685
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.127)	297

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(148.757.506.109)	39.057.738.725
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		20.903.013.783	13.313.240.855
-	Các khoản dự phòng	03		73.849.399.366	24.485.120.365
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		101.819.707	101.947.080
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		9.281.737.229	56.649.806.208
-	Chi phí lãi vay	06		62.445.434.404	56.333.502.146
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		17.823.898.380	189.941.355.379
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(192.750.111.716)	(121.547.243.135)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(476.366.909.890)	8.125.879.991
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		773.831.013.070	(279.018.547.525)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(18.500.245.819)	3.946.021.872
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(62.392.069.832)	(56.530.905.383)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.301.662.944)	(3.339.518.336)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.705.181.729	6.464.840.720
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.416.541.722)	(8.211.096.791)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.632.551.257	(260.169.213.209)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.396.345.630)	(4.958.813.945)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		10.361.876.204	1.654.422.450
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(129.000.000.000)	(28.926.563.836)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.151.994.286	372.457.976.262
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.362.000.000)	(747.508.775.862)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.679.300.000	590.974.340.589
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.235.447.075	12.629.955.435
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(111.329.728.066)	196.322.541.093

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.573.795.715.484	711.473.145.348
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.504.033.215.873)	(673.957.694.963)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.386.605.479)	(767.209.540)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		68.375.894.132	36.748.240.845
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.321.282.676)	(27.098.431.271)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		49.967.120.314	77.060.328.531
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.251.001)	5.223.054
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		36.628.586.637	49.967.120.314

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh cho ngành giao thông vận tải, công nghiệp, điện, xây dựng và du lịch. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Mua bán ô tô, xe máy và các loại phương tiện chuyên dùng khác. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện tài, dệt may, cơ khí. Dịch vụ sửa chữa, bảo hành xe ô tô, xe máy. In ấn bao bì. Sản xuất kinh doanh thiết bị điện công nghiệp, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng). Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thang máy. Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và lắp đặt thang máy. Sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả. Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và vật liệu viễn thông. Kinh doanh vật tư nông nghiệp, lâm sản (gỗ có nguồn gốc hợp pháp). Buôn bán vật tư, phân bón, quặng kim loại, phôi thép, sắt thép, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất. Chế biến lương thực, phân bón, quặng kim loại, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**04. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty**

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

05. Thông tin về Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại 31/12/2012	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
1. Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	88,49%	88,49%	88,49%
2. Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn (đến 30/6/2012 là Công ty con của Công ty Liên doanh Fuji – Alpha)	Lô III – 14, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp Tân Bình, đường số 1, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	88,47%	99,97%	99,97%
3. Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	63,32%	63,33%	51,00%
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Số 2 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	58,32%	97,20%	97,20%
5. Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	99,67%	99,67%	26,5%
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam (đến 30/6/2012 là Công ty con của Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	63,66%	63,81%	67,27%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại 31/12/2012	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
7. Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	99,63%	99,66%	-
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	53,60%	53,78%	53,78%
9. Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	98,49%	99,50%	-
10. Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	65,89%	85,00%	-
11. Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	77,02%	77,02%	48,80%
12. Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco	Số 51 Yết Kiêu, phường Thọ Quang, Quận Sơn trà, Thành phố Đà Nẵng	77,02%	100%	-
13. Công ty Cổ phần Foodinco miền Trung	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	76,66%	99,53%	-
14. Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Số 57 đường Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	57,77%	75,00%	-
15. Công ty TNHH MTV Foodinco Nha Trang	172 đường 2/4 phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	57,77%	100%	-
16. Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà	43,41%	55,34%	-
17. Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà	100%	100%	-

06. Thông tin về Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2012
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00%
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Số 10 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	30,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 – 6 năm
- Phần mềm kế toán	5 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	35 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Lợi thế vị trí địa lý quyền sử dụng đất tại số 2 Đại Cồ Việt, Hà Nội phát sinh khi cổ phần hóa;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

09. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ là 10 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác và các quỹ của chủ sở hữu được bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty mẹ và Công ty con đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Đối với Công ty Liên doanh Fuji – Alpha:

Công ty được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2005). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% trong 07 (bảy) năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	3.122.740.228	3.257.485.400
- Tiền gửi ngân hàng	19.440.106.409	25.618.777.262
- Tiền đang chuyển	-	90.857.652
- Tương đương tiền	14.065.740.000	21.000.000.000
Cộng	36.628.586.637	49.967.120.314

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- <i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>		4.407.344		1.757.094.286
+ Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát	-	-	1.500	57.094.286
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	-	40.000	1.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	98	4.365.000		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5	42.344		
- <i>Trái phiếu đầu tư ngắn hạn</i>		-		-
- <i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		72.495.408.134		4.715.600.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn		15.000.000.000		4.165.600.000
+ Cho vay ngắn hạn		57.495.408.134		550.000.000
- <i>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>		(2.767.600)		(1.182.844.286)
+ Ngân hàng TMCP Á Châu		(2.767.600)		-
+ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn		-		(1.152.000.000)
+ Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát		-		(30.844.286)
Cộng		72.497.047.878		5.289.850.000

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu của người lao động	884.677.551	-
- Phải thu khác	43.730.837.810	105.952.339.969
+ Công ty CP Động Lực (*)	10.460.000.000	10.460.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam	95.835.250	6.880.592.929
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam	-	2.448.011.837
+ Công ty Cổ phần Phú Thái Holdings	-	83.459.640.694
+ Các đối tượng khác	33.175.002.560	2.704.094.509
Cộng	44.615.515.361	105.952.339.969

(*): Phải thu về tiền cho vay 10.460.000.000 VND (tương đương 500.000 USD). Theo hợp đồng cho vay thì sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty CP Động Lực trả bằng 500 m² thương phẩm sản căn hộ tại số 130 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Nếu sau 24 tháng kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2011 mà Công ty Cổ phần Động Lực vẫn chưa giao 500 m² thương phẩm sản căn hộ nói trên thì phải chịu lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	169.309.709	169.309.709
- Nguyên liệu, vật liệu	85.788.573.850	73.827.358.669
- Công cụ, dụng cụ	1.720.529.595	25.850.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	448.208.339.557	110.769.566.511
- Thành phẩm	31.314.432.695	22.549.756.645
- Hàng hoá	94.070.407.234	15.810.041.137
- Hàng gửi đi bán	40.428.237	40.428.237
- Hàng hoá bất động sản	38.247.199.921	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	699.559.220.798	223.192.310.908

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	408.702.234	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	195.055.018
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	105.968.519
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.435.871.099	223.921
Cộng	3.844.573.333	301.247.458

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	14.690.008.594	16.567.446.563	27.610.157.906	6.702.629.923	797.176.951	66.367.419.937
- Mua trong năm	-	353.600.998	511.780.455	105.175.152	-	970.556.605
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.396.345.630	-	-	-	-	5.396.345.630
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	55.293.465.003	123.163.845.607	19.781.545.087	6.989.511.548	39.545.455	205.267.912.700
- Tăng khác	-	-	1.058.959.139	82.015.454	55.706.500	1.196.681.093
- Thanh lý, nhượng bán	(1.880.068.472)	(24.006.451.651)	(10.582.651.184)	(897.123.209)	(182.422.718)	(37.548.717.234)
- Giảm khác	-	(104.604.893)	-	(20.608.102)	-	(125.212.995)
Số dư cuối năm	73.499.750.755	115.973.836.624	38.379.791.403	12.961.600.766	710.006.188	241.524.985.736
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.758.869.458	9.838.487.344	10.639.421.111	3.133.832.895	502.051.124	30.872.661.932
- Khấu hao trong năm	4.229.981.130	9.673.895.395	4.340.656.676	1.422.428.642	72.345.468	19.739.307.311
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	19.818.240.897	54.074.376.939	15.518.376.402	4.782.536.481	32.166.434	94.225.697.153
- Tăng khác	-	-	464.453.035	30.035.365	-	494.488.400
- Thanh lý, nhượng bán	-	(11.597.527.361)	(6.366.533.994)	(888.039.871)	(83.951.821)	(18.936.053.047)
- Giảm khác	(1.313.570.855)	(50.079.770)	(571.790.556)	(697.113.112)	(18.080.994)	(2.650.635.287)
Số dư cuối năm	29.493.520.630	61.939.152.547	24.024.582.674	7.783.680.400	504.530.211	123.745.466.462
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	7.931.139.136	6.728.959.219	16.970.736.795	3.568.797.028	295.125.827	35.494.758.005
2. Tại ngày cuối năm	44.006.230.125	54.034.684.077	14.355.208.729	5.177.920.366	205.475.977	117.779.519.274

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 20.809.658.465 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
Số dư đầu năm	-	4.280.734.238	4.280.734.238
- Thuê tài chính trong năm	1.507.272.728	-	1.507.272.728
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	(989.452.644)	(989.452.644)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	1.507.272.728	3.291.281.594	4.798.554.322
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	740.240.504	740.240.504
- Khấu hao trong năm	-	724.219.852	724.219.852
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	(387.535.617)	(387.535.617)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.076.924.739	1.076.924.739
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
1. Tại ngày đầu năm	-	3.540.493.734	3.540.493.734
2. Tại ngày cuối năm	1.507.272.728	2.214.356.855	3.721.629.583

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.533.672.216	711.251.481	7.244.923.697
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	22.990.273.500	448.277.522	23.438.551.022
- Tăng do xác định giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	126.651.816.500	-	126.651.816.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	(6.533.672.216)	(50.889.018)	(6.584.561.234)
Số dư cuối năm	149.642.090.000	1.108.639.985	150.750.729.985
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.449.507.266	422.207.830	1.871.715.096
- Khấu hao trong năm	217.789.080	116.971.880	334.760.960
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	236.026.508	236.026.508
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	(1.667.296.346)	(50.889.018)	(1.718.185.364)
Số dư cuối năm	-	724.317.200	724.317.200
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	5.084.164.950	289.043.651	5.373.208.601
2. Tại ngày cuối năm	149.642.090.000	384.322.785	150.026.412.785

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua văn phòng tại Hồ Chí Minh	907.530.331	907.530.331
- Dự án nhà ở, chung cư Cổ Nhuế	3.105.522.000	-
- Dự án Nhà ở chia lô Xuân Phương	785.215.200	-
- Dự án Khu đô thị Trung Hưng Sơn Tây	6.134.184.659	-
- Dự án Khách sạn Đông Dương	61.052.000	-
- Xây dựng khu văn phòng Công ty CP 118	17.276.909	-
- Dự án xây dựng cao ốc tại 58 Bạch Đằng	5.325.018.113	-
- Công trình Bình Minh - Cao Viên	17.840.957.608	-
- Khác	317.419.910	178.467.418
Cộng (*)	34.494.176.730	1.085.997.749

(*): Trong đó: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng do hợp nhất kinh doanh là 33.408.178.981 đồng.

10. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Tổng cộng
Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.607.500.000</i>	<i>-</i>	<i>2.607.500.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	6.531.047.346	4.546.341.952	11.077.389.298
- Chuyển sang hàng hóa BĐS	(2.607.500.000)	-	(2.607.500.000)
- Giảm khác	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>6.531.047.346</i>	<i>3.546.341.952</i>	<i>10.077.389.298</i>
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Khấu hao trong năm	-	104.725.660	104.725.660
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	1.442.959.197	1.442.959.197
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	(674.999.973)	(674.999.973)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>872.684.884</i>	<i>872.684.884</i>
Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.607.500.000</i>	<i>-</i>	<i>2.607.500.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>6.531.047.346</i>	<i>2.673.657.068</i>	<i>9.204.704.414</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	1.200.000	12.429.713.477	-	-
- Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	1.909.370	39.615.826.607
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	101.865.032.084	-	110.172.692.629
- Tổng Công ty CP đầu tư và xuất nhập khẩu Foodinco	-	-	10.925.198	118.184.898.517
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	-	-	16.640.957	359.226.191.671
Cộng		114.294.745.561		627.199.609.424

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.000.244.536		55.632.891.607
- Công ty CP viễn thông Thăng Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Xây dựng 565	26	244.536	-	-
- Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	-	-	863.800	8.638.000.000
- Công ty CP Đầu tư XD Hà Tây	-	-	1.170.000	35.315.591.607
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng Alphanam (Tên cũ là Công ty Cổ phần 118)	-	-	167.930	1.679.300.000
Cho vay dài hạn		67.000.000.000		-
- Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội(*)		67.000.000.000		-
Cộng		77.000.244.536		55.632.891.607

(*): Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội theo hợp đồng số 995/2011/HĐHTKD ngày 25 tháng 5 năm 2011 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà hồ hợp tại dự án 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	(8.200.000.000)	(7.900.000.000)
Cộng	(8.200.000.000)	(7.900.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.978.921.433	1.366.700.677
- Lợi thế vị trí địa lý quyền sử dụng đất Số 2 Đại Cồ Việt	4.430.797.728	-
- Chi phí sửa chữa	14.215.085.767	406.252.295
- Chi phí bảo hiểm	-	3.454.545
- Chi phí khác	16.359.058	6.830.810
Cộng	20.641.163.986	1.783.238.327

15. Lợi thế thương mại

	Số đầu năm	Số phát sinh tăng (*)	Số kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	700.144.710	-	700.144.710	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đông Á	46.363.326.363	-	6.079.422.798	40.283.903.565
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	-	924.310.004.430	57.460.857.439	866.849.146.991
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	-	44.488.826.355	2.224.441.318	42.264.385.037
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	-	110.265.392.230	5.513.269.612	104.752.122.618
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ Tầng Alphanam	-	99.822.108.776	4.991.105.439	94.831.003.337
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	305.383.000.094	15.269.150.005	290.113.850.089
Công ty CP Bất động sản Hoa Anh Đào	-	97.893.797.810	4.894.689.891	92.999.107.920
Cộng	47.063.471.073	1.582.163.129.696	97.133.081.212	1.532.093.519.557

(*): Là giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình hợp nhất kinh doanh do thực hiện sáp nhập hoặc mua cổ phần của các Công ty để hình thành quan hệ Công ty mẹ - Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	525.304.178.412	303.233.599.088
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>520.537.408.412</i>	<i>279.177.299.088</i>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	63.383.324.451	31.620.586.796
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	250.920.624.535	213.228.709.549
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	37.265.000	-
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	41.862.653.985	-
+ Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	51.673.690.457	7.673.612.743
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	110.481.849.984	-
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	15.654.390.000
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	2.178.000.000	11.000.000.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>4.766.770.000</i>	<i>24.056.300.000</i>
+ Công ty CP Alphanam - Cenco 4	-	40.000.000
+ Công ty CP Foodinco Miền Trung (trước đây là Công ty CP Aphanam miền trung)	-	12.426.400.000
+ Công ty CP Viễn thông Thăng Long	2.306.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	1.200.000.000	-
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	11.589.900.000
+ Các tổ chức cá nhân khác	1.000.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	17.148.812.642	6.123.208.483
+ <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>352.767.967</i>	<i>4.893.748.483</i>
+ <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>16.796.044.675</i>	<i>1.229.460.000</i>
Cộng	542.452.991.054	309.356.807.571

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	29.446.508.281	13.039.850.582
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	293.342.455	151.945.884
- Thuế xuất, nhập khẩu	365.038.678	93.443.867
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.608.998.916	8.621.042.803
- Thuế thu nhập cá nhân	1.704.673.946	69.559.081
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.078.813	-
Cộng	37.423.641.089	21.975.842.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	803.670.402	750.305.830
- Chi phí công trình - Gói thầu A7- Đường cao tốc Nội Bài -Lào Cai	12.755.050.087	-
- Chi phí khác	5.876.426.903	2.155.182.075
Cộng	19.435.147.392	2.905.487.905

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	36.924.238	26.721.938
- Kinh phí công đoàn	2.850.266.568	932.651.754
- Bảo hiểm xã hội	198.875.992	107.667.383
- Bảo hiểm y tế	98.585.245	47.658.264
- Bảo hiểm thất nghiệp	36.122.136	13.179.000
- Phải trả về cổ phần hóa	-	170.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.029.358.383	4.389.736.485
+ Nguyễn Tuấn Hải	15.504.468.336	-
+ Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Hà Nội (*)	78.756.480.000	-
+ Các đối tượng khác	18.583.410.047	4.389.736.485
Cộng	116.250.132.562	5.687.614.824

(*): Là tiền nhận bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Xuân Đình và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam (Công ty con) đang chờ ý kiến giải quyết của các cơ quan Ban ngành.

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	33.737.696.954	4.748.254.563
- Vay ngân hàng	33.737.696.954	4.748.254.563
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	8.427.696.960	4.748.254.563
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.039.999.994	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.270.000.000	-
Nợ dài hạn	1.989.349.157	2.338.105.311
- Thuê tài chính	1.989.349.157	2.338.105.311
Cộng	35.727.046.111	7.086.359.874

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	20.713.989.154	1.530.000.000
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	20.713.989.154
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(2.687.500.368)	(1.530.000.000)
Số dư cuối năm	18.026.488.786	20.713.989.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	438.203.940.000	181.796.010.000	5.884.684.682	4.649.596.131	435.087.979	3.807.986.471	94.826.369.635	729.603.674.898
Tăng vốn trong năm trước	207.640.190.000	-	-	-	-	-	-	207.640.190.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	17.709.882.684	17.709.882.684
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	2.106.683.671	(4.213.367.342)	(2.106.683.671)
Chênh lệch đánh giá lại công nợ cuối kỳ	-	-	3.567.681.573	-	-	-	-	3.567.681.573
Hoàn nhập đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm trước	-	-	(5.884.684.682)	-	-	-	-	(5.884.684.682)
Giảm do trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(637.004.912)	(637.004.912)
Giảm khác	-	(107.640.190.000)	-	-	-	-	-	(107.640.190.000)
Số dư cuối năm trước	645.844.130.000	74.155.820.000	3.567.681.573	4.649.596.131	435.087.979	5.914.670.142	107.685.880.065	842.252.865.890
Tăng vốn trong năm nay	1.279.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.279.000.000.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(144.861.952.785)	(144.861.952.785)
Tăng do sáp nhập (*)	-	-	-	-	-	-	1.340.065.098	1.340.065.098
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(3.567.681.573)	-	-	-	-	(3.567.681.573)
Số dư cuối năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	-	4.649.596.131	435.087.979	5.914.670.142	(35.836.007.622)	1.974.163.296.630

(*): Là khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam sáp nhập vào Công ty Cổ phần Alphanam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	645.844.130.000
Cộng	1.924.844.130.000	645.844.130.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	645.844.130.000	438.203.940.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.279.000.000.000	207.640.190.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.924.844.130.000	645.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	64.584.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	184.775.852.890	407.555.283.636
- Doanh thu bán thành phẩm	299.841.787.242	310.592.660.316
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.266.488.817	2.843.554.683
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	745.954.545	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	462.950.999.421	334.858.344.212
Cộng	978.581.082.915	1.055.849.842.847

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	4.092.411.200	31.731.962.771
- Hàng bán bị trả lại	6.584.590.278	10.634.474.989
Cộng	10.677.001.478	42.366.437.760

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	185.383.658.042	407.777.729.628
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	288.556.980.612	268.003.776.564
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	30.266.488.817	2.843.554.683
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	745.954.545	-
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	462.950.999.421	334.858.344.212
Cộng	967.904.081.437	1.013.483.405.087

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	170.415.877.723	387.501.505.488
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	249.819.303.078	212.473.906.376
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.743.608.458	355.456.284
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	426.387.168.592	285.432.141.442
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	570.339.022	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	88.789.608	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.897.759.638)	7.897.759.638
Cộng	858.127.326.843	893.660.769.228

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.929.924.699	12.105.904.755
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.760.859.278	524.050.680
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.006.177.467	10.296.205.412
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	133.534.288	-
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư tài chính	544.663.098	851.832.819
- Lãi bán hàng trả chậm	-	229.877.477
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	579.277	31.134.411
Cộng	8.375.738.106	24.039.005.554

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	62.445.434.404	56.333.502.146
- Chiết khấu lãi bán hàng trả chậm	2.401.258.691	4.538.593.393
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	12.861.923.043	69.857.688.013
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.098.048.308	5.764.086.186
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	235.353.995	101.947.080
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(880.076.686)	7.897.462.686
- Chi phí tài chính khác	38.517.498	177.420
Cộng	78.200.459.253	144.493.456.924

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.361.876.204	1.654.422.450
- Thu nhập bán vỏ thùng phế liệu	-	122.084.298
- Thu nhập từ bán hệ thống băng biển và lợi thế thương mại cho Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	43.575.435.000
- Thu nhập từ chênh lệch do góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	146.455.408.057
- Hoàn nhập các khoản trích trước về chi phí bảo hành công trình	1.931.606.876	-
- Thu phạt vi phạm hợp đồng của Công ty TNHH Phú Thái holding	17.540.359.306	-
- Thu nhập khác	1.952.535.801	4.538.143.122
Cộng	31.786.378.187	196.345.492.927

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.853.971.879	4.429.211.947
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.853.971.879	4.429.211.947

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	20.713.989.154
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	82.951.988
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.687.500.368)	(1.530.000.000)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.687.500.368)	19.266.941.142

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(144.861.952.785)	17.709.882.685
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(144.861.952.785)	17.709.882.685
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	128.534.413	59.584.413
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.127)	297

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	539.618.166.834	448.524.857.690
- Chi phí nhân công	74.765.732.418	54.302.041.162
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.903.013.783	13.313.240.855
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.849.555.102	72.814.252.675
- Chi phí khác bằng tiền	37.539.282.726	24.259.213.329
Cộng	987.675.750.863	613.213.605.711

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay
- Đầu tư cho vay (*)	10.495.408.134
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	1.279.000.000.000

(*) Các khoản phát sinh tăng do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
- Vay tiền (không tính lãi)	39.050.646.567
- Trả tiền vay	35.155.068.035

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm
Ban điều hành	15.765.238.336
Cộng nợ phải trả	15.765.238.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	1.316.500.000
Phụ Cấp	-
Cộng	<u>1.316.500.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
- Công ty CP Sao đỏ Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam nắm giữ 9,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	
- Bán hàng	8.219.488.451
- Chiết khấu bán hàng	903.904.544
- Mua hàng	3.624.288.089
- Cho thuê tài sản	24.379.137
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	
- Nhận tiền vay	2.306.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	10.955.227.374
- Phải thu khách hàng	10.884.302.924
- Phải thu khác	70.924.450
Cộng nợ phải thu	<u>10.955.227.374</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	10.302.932.854
- Phải trả người bán	8.903.355.814
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.399.577.040
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	2.306.000.000
- Vay và nợ ngắn hạn	2.306.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>10.608.932.854</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02. Điều chỉnh hồi tố*Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất*

Chỉ tiêu	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 sau điều chỉnh
Ngoại tệ các loại			
USD	25.615.061,96	(25.605.364,20)	9.697,76

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: bán thành phẩm sơn (số lượng đã sản xuất từ những năm trước chưa bán hết);
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực xây dựng.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm nay	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Bất động sản	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND
							Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	185.383.658.042	288.556.980.612	30.266.488.817	745.954.545	462.950.999.421	-	967.904.081.437
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	215.910.033.859	312.823.782.673	26.171.169.131	753.400.317	539.997.857.223	-	1.095.656.243.202
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(30.526.375.817)	(24.266.802.061)	4.095.319.686	(7.445.772)	(77.046.857.802)	-	(127.752.161.765)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.033.567.594	1.608.788.754	168.744.443	-	2.585.244.839	-	5.396.345.630
Số dư cuối năm							
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	569.766.207.125	858.936.358.418	86.834.489.739	40.160.480.696	1.635.620.163.840	-	3.191.317.699.818
- Tài sản không phân bổ							292.220.624.612
Tổng tài sản	569.766.207.125	858.936.358.418	86.834.489.739	40.160.480.696	1.635.620.163.840	-	3.483.538.324.430
- Nợ phải trả bộ phận	237.949.542.028	381.801.743.160	52.770.928.378	957.471.356	594.221.623.723	-	1.267.701.308.644
- Nợ phải trả không phân bổ							58.194.310.629
Tổng nợ phải trả	237.949.542.028	381.801.743.160	52.770.928.378	957.471.356	594.221.623.723	-	1.325.895.619.273

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Bất động sản	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm trước							
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	407.777.729.628	268.003.776.564	2.843.554.683	-	334.858.344.212	1.375.883.499	1.014.859.288.586
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	453.109.104.346	263.490.951.320	812.957.470	-	339.307.697.473	77.976.517.405	1.134.697.228.014
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(45.331.374.718)	4.512.825.244	2.030.597.213	-	(4.449.353.261)	(76.600.633.906)	(119.837.939.428)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.082.644.812	2.016.006.796	21.496.194	-	2.531.401.943	-	7.651.549.745
Số dư cuối năm trước							
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	217.450.524.207	128.644.757.555	-	-	230.780.162.130	680.222.351.031	1.257.097.794.923
- Tài sản không phân bổ							290.299.879.650
Tổng tài sản	217.450.524.207	128.644.757.555	-	-	230.780.162.130	680.222.351.031	1.547.397.674.573
- Nợ phải trả bộ phận	218.304.120.770	143.476.027.637	-	-	179.266.671.778	20.713.989.154	561.760.809.339
- Nợ phải trả không phân bổ							30.458.851.344
Tổng nợ phải trả	218.304.120.770	143.476.027.637	-	-	179.266.671.778	20.713.989.154	592.219.660.683

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.628.586.637	49.967.120.314	36.628.586.637	49.967.120.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	579.162.572.940	393.812.601.392	490.556.168.133	378.847.295.639
Đầu tư ngắn hạn	72.499.815.478	6.472.694.286	72.497.047.878	5.289.850.000
Đầu tư dài hạn khác	77.000.244.536	55.632.891.607	68.800.244.536	47.732.891.607
Cộng	765.291.219.591	505.885.307.599	668.482.047.184	481.837.157.560
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	578.180.037.165	316.443.167.445	578.180.037.165	316.443.167.445
Phải trả cho người bán và phải trả khác	335.827.244.467	94.373.839.811	335.827.244.467	94.373.839.811
Chi phí phải trả	19.435.147.392	2.905.487.905	19.435.147.392	2.905.487.905
Cộng	933.442.429.024	413.722.495.161	933.442.429.024	413.722.495.161

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	212.755.360.040	-	-	212.755.360.040
Vay và nợ	542.452.991.054	35.727.046.111	-	578.180.037.165
Chi phí phải trả	19.435.147.392	-	-	19.435.147.392
Các khoản phải trả khác	116.250.132.562	6.821.751.865	-	123.071.884.427
Cộng	890.893.631.048	42.548.797.976	-	933.442.429.024
Số đầu năm				-
Phải trả cho người bán	83.353.443.355	-	-	83.353.443.355
Vay và nợ	309.356.807.571	7.086.359.874	-	316.443.167.445
Chi phí phải trả	2.905.487.905	-	-	2.905.487.905
Các khoản phải trả khác	5.687.614.824	5.332.781.632	-	11.020.396.456
Cộng	401.303.353.655	12.419.141.506	-	413.722.495.161

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yên

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn